

Số: 30 /BC-BCĐ

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 10 năm 2015

## **BÁO CÁO**

### **Tổng kết thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2011 - 2015**

Thực hiện Công văn số 12/BCĐTW-VPĐP ngày 11/8/2015 của Ban chỉ đạo (BCĐ) Trung ương Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM) về việc hướng dẫn tổng kết 5 năm Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015; BCĐ Chương trình Phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa báo cáo tổng kết 5 năm Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015, bao gồm các nội dung sau:

#### **Phần thứ nhất**

### **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2011-2015**

#### **I. Tình hình triển khai**

##### **1. Công tác tuyên truyền, vận động.**

Xác định công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về mục đích, nội dung, ý nghĩa của Chương trình xây dựng NTM mang tính quyết định đến hiệu quả của chương trình, nên ngay từ khi bắt đầu triển khai, công tác tuyên truyền về xây dựng NTM đã được tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ và rộng khắp từ tỉnh đến cơ sở, bằng nhiều hình thức: Ban Tuyên giáo đã chủ động trong công tác tuyên truyền, phối hợp phát hành bộ tài liệu về hướng dẫn thực hiện xây dựng NTM; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã dành nhiều thời lượng đưa tin, tổ chức tọa đàm và có chuyên mục hàng tuần về Chương trình xây dựng NTM, theo đó, trong 5 năm đã phát sóng 471 chuyên mục “xây dựng NTM”, ngoài ra, Đài đã lồng ghép tuyên truyền về xây dựng NTM trên 70 chuyên mục truyền hình và 64 chuyên mục trên sóng của đài phát thanh; các Báo địa phương và Báo Trung ương thường trú tại Thanh Hóa đã thường xuyên đăng tải các bài viết về những mô hình mới, những cách làm hay, những điển hình tiên tiến, cũng như phản ánh những bất cập trong triển khai thực hiện Chương trình ở các địa phương; Báo Thanh Hóa phối hợp với Văn phòng Điều phối, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh và các đơn vị liên quan tổ chức lễ phát động cuộc thi viết “Chung sức xây dựng NTM” trên Báo Thanh Hóa năm 2014; Văn phòng Điều phối NTM tỉnh đã phối hợp hoàn thành phóng sự về các điểm sáng trong xây dựng NTM, phát hành 43 số/42.000 cuốn “Bản tin xây dựng NTM”; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trong giai đoạn mới gắn với xây dựng NTM; các địa phương tổ chức hàng ngàn buổi sinh hoạt các câu lạc bộ, treo trên 170.000 băng zôn, chỉ đạo dần dựng thành

công nhiều vở kịch để phục vụ công tác tuyên truyền; Công an tỉnh thực hiện ký cam kết, giao ước thi đua xây dựng gia đình, khu dân cư an toàn về ANTT, không có tệ nạn xã hội...; nhiều địa phương trong tỉnh đã có những hình thức tổ chức tuyên truyền tốt, thông qua hệ thống pano, khẩu hiệu, trên Đài phát thanh và thông qua sinh hoạt thường kỳ.

Nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày Bác Hồ lần đầu tiên về thăm, Thanh Hóa đã phát động phong trào thi đua "*Chung sức xây dựng NTM*", phấn đấu xây dựng Thanh Hóa trở thành tỉnh kiểu mẫu.

Thông qua công tác tuyên truyền, sau 5 thực hiện, nhận thức về xây dựng NTM của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đã nhận thức đầy đủ về mục đích, nội dung, ý nghĩa, cũng như cách tiếp cận chương trình, từng bước khắc phục được tư tưởng trông chờ, ỷ lại, đã tạo được sự đồng thuận và tự giác tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân và thu hút được sự tham gia, vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Đáng chú ý trong kết quả của công tác tuyên truyền là người dân ở khu vực miền núi, đặc biệt khó khăn đã có tư duy và nhận thức về xây dựng NTM đầy đủ hơn, vai trò của cấp ủy, chính quyền đã được nâng lên, đã phát huy được tinh thần tự giác tham gia chung sức xây dựng NTM của mọi người dân.

## **2. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình.**

Ngay sau khi Chương trình MTQG xây dựng NTM được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thanh Hóa đã thành lập BCD từ tỉnh đến cơ sở do đồng chí Bí thư cấp ủy làm trưởng ban, đồng thời các xã đã thành lập BQL xây dựng NTM xã, ở các thôn, bản đều thành lập Ban phát triển thôn, bản do Bí thư Chi bộ làm trưởng ban. Trong quá trình tổ chức triển khai, căn cứ tình hình và yêu cầu thực tế, BCD tỉnh đã 4 lần được kiện toàn lại; các huyện, thị xã, thành phố và các xã cũng đã củng cố, kiện toàn BCD để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo thực hiện chương trình; cuối năm 2011, Thanh Hóa đã thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM chuyên trách để tham mưu, giúp BCD tỉnh, UBND tỉnh trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chương trình.

BCD các cấp đã ban hành Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho các thành viên BCD phụ trách các tiêu chí theo lĩnh vực chuyên môn của từng ngành, đơn vị, qua đó, thành viên BCD các cấp đã chủ động xây dựng kế hoạch để chỉ đạo, thường xuyên bố trí thời gian đi cơ sở để nắm bắt tình hình, động viên và giúp các địa phương tháo gỡ khó khăn, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện.

Thực hiện Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Văn phòng Điều phối các cấp, đến nay, Thanh Hóa đã có 21/27 huyện thành lập Văn phòng Điều phối, 573 xã đã phân công cán bộ theo dõi NTM. Tất cả các ngành thành viên BCD tỉnh phụ trách các tiêu chí đều phân công cán bộ theo dõi và chỉ đạo xây dựng NTM theo phân công của BCD tỉnh.

Việc thành lập Văn phòng Điều phối tại các huyện và phân công công chức phụ trách NTM của các xã đã tạo thuận lợi cho công tác chỉ đạo, nắm bắt tình hình tại cơ sở. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện chương trình của các địa

phương được quan tâm, sâu sát hơn, những vấn đề khó khăn, vướng mắc khi tổ chức thực hiện tại các xã được giải quyết kịp thời, hiệu quả.

### **3. Công tác chỉ đạo, điều hành, ban hành các cơ chế chính sách, văn bản hướng dẫn và hưởng ứng phong trào thi đua “Chung sức xây dựng NTM”.**

a) Về ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo điều hành.

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 197/QĐ-TU về Chương trình PTNN và xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015, đây là một trong 5 Chương trình trọng tâm của tỉnh; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 10-CT/BTV về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2012-2015; Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi Thanh Hóa đến năm 2020; Nghị quyết số 16-NQ/TU về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 44/KH-UBND về triển khai thực hiện chương trình giai đoạn 2012-2015.

Để xác định mục tiêu, kế hoạch thực hiện, ngay từ giữa năm 2010, Thanh Hóa đã phê duyệt đề án tổng thể xây dựng NTM của tỉnh giai đoạn 2010 - 2020, định hướng đến 2030; chủ động ban hành Quyết định số 1457/QĐ-UBND về hướng dẫn lập quy hoạch xã NTM (quy hoạch 3 trong 1); Quyết định số 1666/QĐ-UBND về hướng dẫn quy trình đánh giá xã đạt các tiêu chí NTM, làm cơ sở rà soát, đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí phục vụ cho việc lập quy hoạch, đề án và kế hoạch xây dựng NTM của các địa phương; Quyết định 4296/2013/QĐ-UBND về ban hành tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để cụ thể hóa các tiêu chí xây dựng NTM được Trung ương quy định; Quyết định 145/2013/QĐ-UBND quy định về trình tự, thủ tục xét, công nhận và tổ chức công bố “Xã đạt chuẩn NTM” trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 3655/2013/QĐ-UBND về quy trình lấy phiếu đánh giá sự hài lòng của người dân trong xây dựng NTM; Quyết định số 717/2014/QĐ-UBND về tiêu chí, trình tự, thủ tục hồ sơ xét, công nhận và tổ chức công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM.

Các sở, ngành cấp tỉnh, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đã ban hành các văn bản hướng dẫn các nội dung thực hiện và đánh giá kết quả đạt được của các tiêu chí do từng ngành phụ trách.

b) Về hưởng ứng phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM”

Hưởng ứng phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM” do Thủ tướng Chính phủ phát động, các ngành, các cấp, các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã có nhiều việc làm thiết thực, chung sức cùng các thôn, xã thực hiện xây dựng NTM, điển hình như: Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thường xuyên có các đợt kiểm tra, giám sát việc thực hiện xây dựng NTM, qua đó phát hiện tình hình để kịp thời điều chỉnh, uốn nắn những vấn đề bất cập

trong chỉ đạo, thực hiện tại cơ sở; Ban Dân vận Tỉnh ủy tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện năm “dân vận chính quyền”, dân vận khéo trong xây dựng NTM; Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tập trung chỉ đạo, có các chương trình phối hợp, xây dựng kế hoạch và có nhiều cách tiếp cận phù hợp, đa dạng, sáng tạo. Trong 5 năm, Ủy ban MTTQ các cấp đã hỗ trợ sửa chữa 7.530 nhà và xây mới 4.765 căn nhà tình nghĩa từ quỹ vì người nghèo với số tiền trên 76 tỷ đồng, hỗ trợ 4.419 con bò giống cho các hộ nghèo với số tiền trên 66 tỷ đồng; Hội Nông dân các cấp đảm nhận việc vận động nông dân đổi điền, dồn thửa, hiến đất, góp công, góp sức, tiền của, cải tạo vườn tạp, nhà cửa, để xây dựng NTM; Đoàn Thanh niên đảm nhận công tác vệ sinh môi trường đường làng, ngõ xóm, tổ chức các hoạt động văn hoá - thể thao; Hội Cựu chiến binh nhận trách nhiệm bảo đảm an ninh trật tự; Hội Phụ nữ vận động hội viên học tập, làm thêm những ngành nghề mới, vay vốn để phát triển sản xuất kinh doanh và phát động thực hiện phong trào “5 không 3 sạch”; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đã phát động cán bộ, chiến sỹ toàn tỉnh quyên góp, ủng hộ 5,3 tỷ đồng, tham gia hơn 5.600 ngày công giúp các xã, thôn bản thực hiện xây dựng NTM, theo đó, đã có 412 km đường giao thông nông thôn, 126 km kênh mương nội đồng được tu sửa và xây mới, hỗ trợ hàng chục trường học, nhà văn hóa thôn mua sắm trang thiết bị...

Trong 2 năm 2014 và 2015, ngành Nông nghiệp và PTNT đã phân công cho các đơn vị thuộc ngành chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ cho 54 xã, 41 thôn bản trong xây dựng NTM, qua đó, đã có những việc làm thiết thực trong việc góp công, góp sức cũng như hướng dẫn các địa phương trong xây dựng NTM, từ đó, tạo được lòng tin cho cán bộ và nhân dân các địa phương, thể hiện được sự chung sức xây dựng NTM, mang lại hiệu quả thiết thực.

#### c) Về ban hành các cơ chế, chính sách.

Với đặc điểm là tỉnh nông nghiệp, việc xác định phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng NTM là chủ trương phù hợp, đúng đắn, cùng với chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung tiêu chí NTM, Thanh Hóa đã tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất gắn với đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, đồng thời, ban hành một số cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn tạo hành lang pháp lý, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng NTM, gồm: Cơ chế, chính sách xây dựng vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; hỗ trợ phát triển cao su; hỗ trợ sản xuất hạt giống lúa lai F1; phát triển sản xuất rau an toàn tập trung; phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và trang trại tập trung; hỗ trợ giống gốc vật nuôi; hỗ trợ phát triển trang trại chăn nuôi bò sữa tập trung; khuyến khích phát triển giao thông nông thôn; Cơ chế, chính sách xây dựng NTM đến 2015 và giai đoạn 2016-2020, và cơ chế để lại nguồn thu từ chuyển quyền sử dụng đất để xây dựng NTM. Thông qua thực hiện các cơ chế, chính sách đã tác động tích cực tới việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung; khuyến khích, kích cầu đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện cho các xã hoàn thành 19 tiêu chí NTM.

*(Chi tiết tại biểu 01 kèm theo)*

#### **4. Tổ chức đào tạo, tập huấn cán bộ thực hiện Chương trình**

Trong 5 năm, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh đã chủ trì và phối hợp với các ngành, đoàn thể cấp tỉnh, BCD các huyện, thị xã, thành phố tổ chức 75 lớp bồi dưỡng, tập huấn cho gần 11.362 lượt đối tượng là cán bộ các ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh, thành viên BCD cấp huyện, xã và cán bộ thôn, bản. Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh tổ chức 05 Hội thảo về *"Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cấp xã trong xây dựng NTM"* thu hút hơn 1.800 đối tượng là Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy và Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã tham gia;

Giai đoạn 2011-2015, Thanh Hóa đã đào tạo sơ cấp nghề và học nghề thường xuyên dưới 3 tháng cho 8.337 người, tổ chức tập huấn cho 2.100 cán bộ quản lý HTX, đa số các học viên đều biết vận dụng kiến thức vào phát triển sản xuất để tăng thu nhập, cải thiện đời sống.

Thông qua các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ làm công tác NTM các cấp đã nắm được các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về nông nghiệp, nông thôn, hiểu rõ nội dung, ý nghĩa, các bước triển khai cũng như xác định được vai trò của mỗi cán bộ, đảng viên và người dân trong thực hiện chương trình xây dựng NTM theo quy định của Trung ương và tỉnh, góp phần tổ chức thực hiện hiệu quả các nội dung của Chương trình.

### **II. Kết quả thực hiện.**

#### **1. Công tác lập quy hoạch, đề án xây dựng NTM**

Xác định công tác quy hoạch phải đi trước một bước, cùng với việc sáng tạo trong hướng dẫn, quyết liệt trong chỉ đạo, Thanh Hóa đã ưu tiên dành nguồn lực hỗ trợ để các xã thực hiện lập quy hoạch. Đến 30/9/2012, Thanh Hóa đã có 100% số xã phê duyệt xong quy hoạch chung xã NTM. Trong quá trình thực hiện, các địa phương đã triển khai công bố, cắm mốc quy hoạch chung và từng bước triển khai lập các quy hoạch chi tiết theo lộ trình thực hiện xây dựng NTM, đồng thời tiếp tục rà soát các đồ án quy hoạch để có những điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch ngành, quy hoạch vùng và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, các xã đã triển khai lập đề án xây dựng xã NTM. Đến hết quý I năm 2013 toàn tỉnh hoàn thành công tác lập và phê duyệt đề án xã NTM.

Để thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, giai đoạn 2011-2015, Thanh Hóa đã hoàn thành việc rà soát và xây dựng mới các quy hoạch: Quy hoạch tổng thể phát triển nông nghiệp; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng; vùng nguyên liệu mía đường Việt Đài, Nông Công; vùng sản xuất rau an toàn tập trung; vùng cói; các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; vùng nguyên liệu cho dự án chăn nuôi bò sữa quy mô công nghiệp; bảo vệ và phát triển rừng; vùng luống thâm canh tập trung; bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng; tổng thể thủy lợi; cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn; phát triển ngành nghề nông thôn; bố trí ổn định dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, các khu rừng đặc dụng, khu vực có dân di cư

tự do. Hiện nay đang tiếp tục hoàn chỉnh các quy hoạch: Rà soát, bổ sung quy hoạch vùng nguyên liệu mía đường Lam Sơn; quỹ hoạch 3 loại rừng; vùng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến gỗ; bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã; vùng nguyên liệu cá rô phi phục vụ chế biến, xuất khẩu; quy hoạch phòng chống lũ các tuyến sông có đê và quy hoạch đê điều; thủy lợi chi tiết vùng Nam sông Chu; thủy lợi chi tiết vùng Bắc sông Mã; sắp xếp, bố trí ổn định những hộ sống rải rác thành khu tập trung khu vực 11 huyện miền núi.

## **2. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân**

Cùng với những thành tựu chung của tỉnh, sản xuất nông, lâm, thủy sản luôn ổn định và có bước tăng trưởng khá, từng bước phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, tập trung gắn với nhu cầu thị trường, phát huy được tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, từng địa phương; tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm ước đạt 4%.

- *Về Trồng trọt:* Tốc độ tăng giá trị sản xuất ước đạt 2,9%; nhiều loại giống mới có năng suất, chất lượng cao được đưa vào canh tác, năng suất hầu hết các cây trồng đều tăng; cơ cấu cây trồng chuyển dịch tích cực, hình thành các vùng chuyên canh hàng hóa tập trung, quy mô lớn. Công tác đổi điền, dồn thửa, xây dựng cánh đồng lớn được triển khai hiệu quả, xây dựng vùng lúa thâm canh với diện tích 61.900 ha, vùng sản xuất hạt giống lúa lai F1 diện tích 700 ha; Diện tích lúa gieo trồng hàng năm đạt trên 255 nghìn ha, năng suất bình quân tăng từ 55,5 tạ/ha năm 2011 lên 58,6 tạ/ha năm 2014 và dự kiến năm 2015 đạt 58 tạ/ha, sản lượng bình quân hàng năm trên 1,4 triệu tấn.

Diện tích một số loại cây trồng chính đều tăng: Diện tích ngô luôn đạt trên 50.000 ha năm, năng suất tăng từ 40,4 tạ/ha năm 2011 lên 40,5 tạ/ha năm 2014 và dự kiến năm 2015 đạt 44,7 tạ/ha, sản lượng trên 200 nghìn tấn; Diện tích mía vụ 2015-2016 đạt 29.550 ha, tăng 2.867 ha so với vụ 2010-2011; Diện tích sắn tăng từ 16.500 ha năm 2011 lên 17.900 ha năm 2014 và dự kiến năm 2015 đạt 14.500 ha; năng suất sắn nguyên liệu tăng từ 126,5 tạ/ha lên 165 tạ/ha. Phát triển nhanh các cây rau thực phẩm như ớt, dưa chuột, dưa bao tử cung cấp nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu, diện tích tăng từ 32.300 ha năm 2011 lên 35.400 nghìn ha năm 2014 và dự kiến năm 2015 đạt 35.000 ha; diện tích rau an toàn được chứng nhận đủ điều kiện ATTP là 197,98 ha, trong đó diện tích được chứng nhận VietGAP 117,8 ha.

- *Về Chăn nuôi:* Tốc độ tăng giá trị sản xuất ước đạt 3,6%; chăn nuôi theo mô hình trang trại, gia trại phát triển mạnh, thay thế dần mô hình chăn nuôi nhỏ lẻ hộ gia đình, đến ngày 31/8/2015, toàn tỉnh có 827 trang trại đạt tiêu chí theo Thông tư 27 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, tăng 453 trang trại so với năm 2011, trong đó có 71 trang trại chăn nuôi tập trung quy mô lớn, kiểm soát dịch bệnh; quy mô, chất lượng đàn gia súc, gia cầm được nâng lên, tỷ trọng đàn bò lai, bò sữa, đàn lợn nạc tăng cao; sản lượng thịt hơi liên tục tăng, từ 189,4 nghìn tấn năm 2011 lên 209,7 nghìn tấn năm 2014 và dự kiến năm 2015 đạt 220 nghìn tấn.

- *Về Lâm nghiệp:* Sản xuất lâm nghiệp phát triển khá toàn diện, tốc độ tăng giá trị sản xuất ước đạt 9,6%; tỷ lệ che phủ rừng tăng từ 49,1% năm 2011 lên 51,5% năm 2014 và dự kiến năm 2015 đạt 52%.



- Về Thủy sản: Sản xuất thủy sản phát triển cả khai thác, nuôi trồng và dịch vụ hậu cần nghề cá; tốc độ tăng giá trị sản xuất ước đạt 6,6%; sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản tăng từ 108,7 nghìn tấn năm 2011 lên 132,7 nghìn tấn năm 2014 và dự kiến năm 2015 đạt 140,5 nghìn tấn.

- Về xây dựng và triển khai các mô hình phát triển sản xuất và ngành nghề nông thôn: Giai đoạn 2011 - 2015, từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình xây dựng NTM của Trung ương và của tỉnh, Thanh Hóa đã phân bổ 74,99 tỷ đồng hỗ trợ cho các địa phương, đơn vị thực hiện mô hình sản xuất và ngành nghề nông thôn, cùng với vốn hỗ trợ từ ngân sách, đến nay, các địa phương, đơn vị trong tỉnh đã huy động thêm được trên 270 tỷ đồng để lựa chọn và thực hiện được 784 mô hình, trong đó: 327 mô hình trồng trọt, 195 mô hình chăn nuôi, 185 mô hình cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, 62 mô hình nuôi trồng thủy, hải sản và 15 mô hình ngành nghề nông thôn, thu hút được 34.326 hộ gia đình tham gia.

Đa số các mô hình sản xuất được lựa chọn đã đáp ứng được yêu cầu thực tế, phù hợp với nguyện vọng của người dân và đúng với nội dung của Chương trình xây dựng NTM, lấy phát triển sản xuất là gốc để nâng cao giá trị sản xuất và thể mạnh của từng vùng, từng địa phương, nhờ đó, đã góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân, xóa bỏ dần các thói quen sản xuất lạc hậu, nhất là khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Một số mô hình đã mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực, như: Mô hình trồng hoa, mô hình trồng ớt xuất khẩu, mô hình trồng ngô ngọt, dưa chuột, bí xanh ...

Nhờ tập trung chuyên dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đẩy mạnh phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, nên giai đoạn 2011-2015, thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng từ 11,02 triệu đồng năm 2011 lên 17,95 triệu đồng năm 2014, ước năm 2015 đạt khoảng 20,3 triệu đồng; tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm từ 22,11% năm 2011 xuống còn 10,92% năm 2014, ước năm 2015 khoảng 7%;

### **3. Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.**

Trong giai đoạn 2011-2015, Thanh Hóa đã phân bổ 258,76 tỷ đồng hỗ trợ cho 719 lượt xã mua 231.000 tấn xi măng để xây dựng các công trình giao thông nông thôn, nhà văn hóa thôn, kênh mương và giao thông nội đồng; phân bổ 963,717 tỷ đồng nguồn vốn TPCP, vốn Đầu tư phát triển của Trung ương và của tỉnh đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, cải tạo 275 công trình hạ tầng tại các xã xây dựng NTM, gồm: 81 trụ sở, 57 trạm y tế, 115 nhà văn hóa và khu thể thao xã, 10 nhà văn hóa thôn, bản, 01 trường học, 01 chợ nông thôn, 01 công trình cấp nước sản xuất và 9 tuyến đường giao thông nông thôn.

Cùng với nguồn vốn NTM và huy động các nguồn vốn khác, toàn tỉnh đã đầu tư xây mới và nâng cấp được 4.952 km đường giao thông nông thôn các loại, trong đó: 1.367 km đường xã, liên xã, 2.016 km đường thôn, xóm, 1.569 km đường nội đồng; 348 công trình hồ đập, 1.557 km kênh mương nội đồng, 104 công và trạm bơm; nâng cấp, mở rộng các công trình điện nông thôn, đến nay, 100% số xã đã có điện lưới quốc gia, 97,2% hộ dân được sử dụng điện thường xuyên; xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp 31 trường học và 3.478 phòng

học các cấp; 120 Trung tâm Văn hóa - thể thao xã, hơn 1.266 nhà văn hóa - khu thể thao thôn; 207 chợ nông thôn; chỉnh trang và xây mới hơn 57.000 nhà ở dân cư; hoàn thành và đưa vào sử dụng 25.536 công trình cấp nước sinh hoạt và công trình vệ sinh môi trường nông thôn.

#### **4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường**

- Công tác giáo dục được chú trọng, tỷ lệ trẻ em ra lớp đúng độ tuổi bậc mầm non và tiểu học đạt 100%, tỷ lệ phổ cập tiểu học và THCS đạt 100%, 99,1% số người trong độ tuổi từ 15 - 60 được xóa mù chữ, 51,2% trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo từ 24,3% năm 2011 lên 32,7% năm 2014, ước tính năm 2015 là 35,8%.

- Công tác y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được chú trọng, tình hình dịch bệnh khi xảy ra được khoanh vùng, kiểm soát kịp thời, 5 năm qua, trên địa bàn tỉnh không xảy ra dịch bệnh lớn mắc phải ở người; đến nay, toàn tỉnh có 95% số thôn, bản có tủ thuốc và cán bộ y tế, 286 xã đạt chuẩn y tế giai đoạn 2011 - 2020, năm 2014 có 69,89% dân số được tham gia các hình thức bảo hiểm y tế, ước tính năm 2015 đạt 70%;

- Phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào xây dựng NTM đã được triển khai thực hiện sâu rộng và đạt được nhiều kết quả, số gia đình, làng, thôn, bản văn hóa, xã chuẩn văn hóa không ngừng tăng lên, đến hết năm 2014, toàn tỉnh có 706.439 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, ước hết năm 2015 tăng lên 714 ngàn hộ, đạt tỷ lệ 77%, tăng 5,5% so với năm 2011; 3.864 thôn, bản, làng văn hóa, đạt 70,4%, tăng 28% so với năm 2011; có 112 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, đạt 19,3%, tăng 10% so với năm 2011. Các hoạt động văn hóa, thể thao ở khu vực nông thôn được duy trì và phát triển, phát huy được truyền thống và bản sắc từng vùng miền, làm phong phú thêm các hoạt động văn hóa tại vùng nông thôn.

- Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm chỉ đạo thường xuyên, người dân đã có ý thức trong việc giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, tình trạng đổ rác thải sinh hoạt bừa bãi ra khu vực công cộng đã giảm đáng kể, nhiều địa phương đã thành lập các tổ tự quản môi trường, nhiều thôn, làng duy trì việc tổ chức cho nhân dân tham gia dọn vệ sinh vào sáng thứ bảy hằng tuần. Hầu hết các xã trên địa bàn tỉnh đã có Công ty cổ phần, Hợp tác xã dịch vụ môi trường hoặc Tổ thu gom rác thải chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải...Tỷ lệ thu gom rác thải tại các vùng nông thôn đạt 70%. Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 84,4%; tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh theo quy định đạt 52,3%, hộ gia đình có chuồng trại gia súc hợp vệ sinh đạt 54,48%. Cảnh quan môi trường nông thôn và nhà ở dân cư được quan tâm chỉnh trang, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

#### **5. Về xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh và giữ gìn an ninh trật tự**

Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh là điều kiện tiên quyết để chung sức xây dựng NTM. Thông qua thực hiện chương trình, đội ngũ cán bộ được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, có phẩm chất chính trị vững vàng, năng động, sáng tạo, có bước trưởng thành trong quản lý, chỉ đạo điều hành, nhiều địa phương có những cán bộ dám nghĩ, dám làm, gần dân; quy chế



dân chủ được phát huy, vai trò làm chủ của nhân dân được nâng lên, động viên được tinh thần chung sức, chung lòng của nhân dân, của cả hệ thống chính trị.

Thực hiện Quyết định số 375/2008/QĐ-UBND và Chỉ thị số 10/CT-UBND về đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, xây dựng khu dân cư an toàn về an ninh trật tự, 5 năm qua, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh, nhất là khu vực nông thôn cơ bản ổn định trên các lĩnh vực, địa bàn, không để xảy ra các hoạt động chống đối đảng, chính quyền, truyền đạo trái pháp luật, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. 5 năm qua, Thanh Hóa là tỉnh luôn dẫn đầu về giảm tỷ lệ số người mắc các tệ nạn xã hội, không có tụ điểm phức tạp về ANTT, 84,5% số thôn không có tội phạm, 80,3 % số thôn không có tệ nạn xã hội.

## **6. Kết quả huy động, sử dụng nguồn lực.**

6.1. Tổng huy động nguồn lực cho chương trình giai đoạn 2011-2015 là: 27.020,452 tỷ đồng (bằng 88,7% nhu cầu theo mục tiêu đề án được duyệt), trong đó:

- Vốn trực tiếp cho chương trình: 4.193,645 tỷ đồng, chiếm 15,52 %, gồm:
  - + Ngân sách Trung ương: 970,292 tỷ đồng;
  - + Ngân sách tỉnh: 213,303 tỷ đồng;
  - + Ngân sách huyện: 837,66 tỷ đồng;
  - + Ngân sách xã: 2.172,39 tỷ đồng.
- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác: 12.627,825 tỷ đồng, chiếm 46,73%;
- Vốn tín dụng, ODA: 1.640,148 tỷ đồng, chiếm 6,07%;
- Vốn doanh nghiệp: 1.463,591 tỷ đồng, chiếm 5,42%;
- Vốn huy động từ cộng đồng dân cư: 7.095,243 tỷ đồng, chiếm 26,26% (trong đó: đóng góp trực tiếp bằng tiền mặt 5.644 tỷ đồng; tham gia 300.000 ngày công lao động; hiến 1.040 ha đất; đóng góp vật tư, vật liệu để xây dựng NTM trị giá 283,045 tỷ đồng).

*(Chi tiết tại biểu 02 kèm theo)*

6.2. Kết quả phân bổ, sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ theo quy định của Trung ương.

- Thời gian giao kế hoạch vốn cho cấp xã: Trên cơ sở thông báo kế hoạch vốn hỗ trợ cho Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2014, năm 2015, văn bản hướng dẫn của Chính phủ và các Bộ; căn cứ tình hình thực tế của địa phương, đến 22/4/2015, tỉnh Thanh Hóa đã có quyết định phân bổ vốn cho các địa phương để triển khai thực hiện.

- Kết quả phân bổ vốn TPCP: Tổng số: 633 tỷ đồng (trong đó, năm 2014 là 313 tỷ đồng và năm 2015 là 320 tỷ đồng).

Tổng số xã được phân bổ: 481 xã, mức phân bổ bình quân cho các loại xã như sau:

- + Các xã đặc biệt khó khăn: 92 xã, bình quân 2,495 tỷ đồng/xã.
- + Các xã đăng ký hoàn thành 19 tiêu chí giai đoạn 2014-2016: 132 xã,

bình quân 1,692 tỷ đồng/xã.

+ Hỗ trợ 257 xã hỗ trợ mua xi măng, bình quân 702 trđ/xã.

Đối với các xã thuộc đối tượng ưu tiên: Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình theo chính sách NTM của tỉnh, gồm: Trụ sở xã, Trạm Y tế xã, Trung tâm Văn hóa, thể thao xã; các công trình khác: đường giao thông nông thôn, chợ, trường học, nước sinh hoạt...

Đối với xã không thuộc đối tượng ưu tiên: Hỗ trợ kinh phí mua xi măng, các địa phương huy động thêm các nguồn lực đối ứng khác để đầu tư xây dựng các hạng mục công trình, như: đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, kênh mương nội đồng và nhà văn hóa thôn, bản.

*(Chi tiết tại biểu 03 kèm theo)*

6.3. Kết quả thực hiện vốn cụ thể hàng năm và lũy kế 5 năm, bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp; theo nội dung đầu tư hỗ trợ.

- Kết quả thực hiện vốn 5 năm (2011-2015): 27.020,452 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 3.974,07 tỷ đồng (*Trung ương: 750,717 tỷ đồng, địa phương: 3.223,353 tỷ đồng*);

Theo từng nội dung hỗ trợ, cụ thể: Quy hoạch xây dựng NTM: 107,106 tỷ đồng; Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn: 18,669 tỷ đồng; Quản lý chi đạo: 19,029 tỷ đồng; Giao thông: 4.916,670 tỷ đồng; Thủy lợi: 1.520,554 tỷ đồng; Điện: 1.176,530 tỷ đồng; Giáo dục (đầu tư trường học): 1.963,7 tỷ đồng; Y tế: 797,45 tỷ đồng; Văn hóa: 1.815,95 tỷ đồng; Chợ nông thôn: 604,50 tỷ đồng; Bưu điện: 125,0 tỷ đồng; Nhà ở dân cư: 2.544,612 tỷ đồng; Phát triển sản xuất: 344,499 tỷ đồng; Xóa đói, giảm nghèo: 8.394,839 tỷ đồng; Giải quyết việc làm: 163,781 tỷ đồng; Môi trường: 2.507,563 tỷ đồng;

- Kết quả từng năm: Năm 2011: Vốn thực hiện là 4.424,040 tỷ đồng; Năm 2012: Vốn thực hiện là 5.616,665 tỷ đồng; Năm 2013: Vốn thực hiện là 5.981,577 tỷ đồng; Năm 2014: Vốn thực hiện là 4.235,633 tỷ đồng; Năm 2015: Vốn thực hiện là 6.762,537 tỷ đồng.

*(Chi tiết tại biểu 02,05 kèm theo)*

6.4. Kết quả thực hiện quy định của Thủ tướng Chính phủ về phân cấp đầu tư cho xã, thôn, cộng đồng dân cư thực hiện các công trình trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013.

Trên cơ sở nguồn vốn Trung ương hỗ trợ hàng năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành tăng cường việc phân cấp, phân quyền, phân tiền cho cấp huyện và xã, đảm bảo nguyên tắc "Vốn cấp nào thì cấp đó quyết định" không thụ động chờ đầu tư của Nhà nước, căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương để lựa chọn các nội dung triển khai, thực hiện cho phù hợp, đạt hiệu quả.

Để thuận lợi cho các địa phương trong triển khai, thực hiện, cũng như giảm bớt chi phí, đơn giản hóa thủ tục đầu tư và thời gian việc áp dụng cơ chế đầu tư theo Quyết định 498/QĐ-TTg, năm 2014, UBND tỉnh đã chỉ đạo và giao các Sở chuyên ngành khẩn trương trình duyệt thiết kế mẫu các công trình có quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản có quy mô dưới 3 tỷ đồng, sử dụng ngân sách

nhà nước, bao gồm: nhà văn hoá thôn, bản; đường giao thông thôn bản; đường giao thông nội đồng; kênh mương nội đồng. Hiện nay, Thanh Hóa đã ban hành thiết mẫu kênh mương nội đồng làm cơ sở cho các địa phương áp dụng.

### **7. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM**

Đến ngày 30/9/2015, bình quân toàn tỉnh đạt 12,14 tiêu chí/xã (bình quân chung toàn quốc là 11,64 tiêu chí/xã), tăng 7,44 tiêu chí so với ban đầu. Có 93 xã đạt 19 tiêu chí, chiếm 16,2% (toàn quốc có 1.055 xã), trong đó: 54 xã đã có quyết định công nhận đạt chuẩn (có 9 xã về đích trước hạn 1-2 năm), 34 xã đang thẩm định, 5 xã đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định; Có 39 thôn/bản đạt chuẩn NTM được các huyện công nhận, (trong đó có 9 thôn/bản miền núi). Phần đầu hết năm 2015, có khoảng 100 xã đạt 19 tiêu chí.

Đạt từ 15-18 tiêu chí có 81 xã tăng 76 xã so với năm 2011, chiếm 14,1%;

Đạt từ 10-14 tiêu chí có 222, tăng 193 xã và chiếm 38,8%;

Đạt từ 5-9 tiêu chí có 161 xã, giảm 110 xã và chiếm 28,1%;

Đạt dưới 5 tiêu chí có 16 xã, giảm 249 xã, chiếm 2,8%;

*(Chi tiết tại biểu 06 kèm theo)*

\* **Tóm lại:** Với đặc thù là tỉnh nông nghiệp, Thanh Hóa đã chủ trương thực hiện xây dựng NTM gắn với phát triển nông nghiệp, gắn xây dựng NTM với xây dựng Thanh Hóa trở thành tỉnh kiểu mẫu; Ngay từ khi triển khai, Thanh Hóa là một trong 9 tỉnh, thành trong cả nước do Bí thư cấp ủy làm Trưởng BCD, nhờ đó, đã có sự tập trung chỉ đạo quyết liệt và tạo được sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị; Trong điều kiện là tỉnh rộng, nhiều xã miền núi đặc biệt khó khăn, Thanh Hóa đã ban hành tiêu chí thôn, bản NTM để triển khai thực hiện xây dựng NTM từ thôn, bản đối với những xã khó khăn, chưa có điều kiện thực hiện xây dựng NTM quy mô xã, đây là cách làm sáng tạo, phù hợp với các địa phương miền núi của tỉnh, được nhân dân đồng tình; Trong điều kiện nguồn ngân sách còn hạn chế, nhưng 5 năm qua, Thanh Hóa đã ban hành tương đối đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách cho phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM và các chính sách hỗ trợ, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống của người dân nông thôn; Thực hiện chủ trương hỗ trợ xi măng, để lại nguồn thu từ cấp quyền sử dụng đất cho các xã trong xây dựng NTM, nhờ đó, đã huy động thêm nhiều nguồn lực cho xây dựng NTM; Đặc biệt, có được những kết quả nêu trên, ngay từ ngày đầu triển khai, Thanh Hóa đã tập trung chỉ đạo thực hiện tốt từ công tác chỉ đạo, điều hành, tuyên truyền, tập huấn, lập quy hoạch đến xây dựng đề án, với phương châm, vừa chỉ đạo thực hiện điem, vừa triển khai trên diện rộng, vừa xây dựng xã NTM, vừa thực hiện xây dựng thôn, bản NTM, phân định rõ việc gì hộ gia đình làm, việc gì thôn, bản, xã làm, việc gì nhà nước cần định hướng và hỗ trợ.

Sau 5 năm triển khai thực hiện, với sự lãnh chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, sự tham gia của toàn xã hội, đáp ứng được nguyện vọng của người dân nông thôn, xã NTM đã được hình thành ở nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh. Nhận thức của phần lớn cán bộ và nhân dân về xây dựng NTM đã có chuyển biến rõ nét, Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM thực sự đã trở thành phong trào sâu rộng,

có sức lan tỏa. Dân chủ cơ sở ngày càng được phát huy, ý thức trách nhiệm, làm chủ của người dân đối với chương trình xây dựng NTM từng bước được nâng cao, nhờ đó đã có nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả, góp phần huy động được nhiều nguồn lực đóng góp cho xây dựng NTM. Cuộc sống người dân nông thôn được cải thiện rõ nét, số hộ nghèo giảm đáng kể; hạ tầng kinh, tế, xã hội nông thôn được tăng cường, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn; nhiều mô hình phát triển sản xuất theo hướng kinh tế hàng hóa, đem lại hiệu quả; các hoạt động văn hoá - thể thao và học tập trong cộng đồng được khôi phục, duy trì và phát triển; y tế giáo dục tiếp tục được chăm lo; môi trường nông thôn đã từng bước được cải thiện; an ninh trật tự và an toàn xã hội được đảm bảo; bộ mặt nông thôn đã có nhiều khởi sắc.

### **III. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân.**

#### **1. Hạn chế, tồn tại.**

- Mặc dù mức độ tăng tiêu chí bình quân toàn tỉnh hàng năm gần 1,5 tiêu chí/xã, nhưng tương quan giữa các tiêu chí đã đạt không đều, có tới 7 tiêu chí tỷ lệ xã đạt thấp, như: Cơ sở vật chất văn hóa, hộ nghèo, giao thông, chợ, trường học, thủy lợi, tỷ lệ người dân tham gia BHYT. Xã đạt chuẩn NTM đã được hình thành ở nhiều địa phương, song kết quả chưa đạt mục tiêu đề ra so với đề án được duyệt (20% số xã đạt chuẩn cuối năm 2015).

- Những vấn đề trong đời sống vật chất và tinh thần trong xã hội ở nông thôn (lao động thiếu việc làm, tỷ lệ hộ nghèo, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, hủ tục, nếp sống văn hóa, ô nhiễm môi trường...) chưa được tập trung giải quyết căn bản.

- Nguồn vốn đầu tư thực hiện chương trình chưa tương xứng với mục tiêu, nhiệm vụ; lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án và huy động vốn đối ứng của các địa phương còn hạn chế.

- Sản xuất nông nghiệp ổn định và có bước tăng trưởng khá, nhưng vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ, khó áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hiệu quả sản xuất nông nghiệp còn thấp.

- Phong trào xây dựng NTM chưa đồng đều giữa các vùng, các huyện trong tỉnh và giữa các xã trong huyện; tham gia phong trào chung sức xây dựng NTM giữa các ngành chưa đề tay, một số ngành, địa phương thực hiện chế độ thông tin, báo cáo tình hình cho Trường BCĐ và UBND tỉnh chưa nghiêm túc, thiếu kịp thời như: Sở Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, các huyện: Nông Cống, Như Xuân, Mường Lát.

#### **2. Nguyên nhân**

##### **2.1. Nguyên nhân khách quan:**

- Là tỉnh rộng, địa hình phức tạp, nên việc đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho nhân dân rất khó khăn, suất đầu tư lớn, nhất là khu vực miền núi.

- Thời tiết diễn biến bất thường, hàng năm trên địa bàn tỉnh thường xảy ra mưa bão, sạt lở, lũ quét, tình trạng rét đậm, rét hại, hạn hán kéo dài, nước mặn

xâm thực sâu vào đất liền; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, khó lường... ảnh hưởng bất lợi đến sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

- Tình hình kinh tế thế giới khủng hoảng, thị trường tiêu thụ nông sản khó khăn, chưa có thị trường tiêu thụ nông sản ổn định nên các thành phần kinh tế và các hộ gia đình khu vực nông thôn gặp nhiều khó khăn.

## **2.2. Nguyên nhân chủ quan:**

- Công tác chỉ đạo, điều hành của một số ban, ngành thành viên BCD tỉnh và một số địa phương có lúc chưa thực sự sâu sát. Phối hợp giữa các ngành, các cấp có lúc, có nơi chưa thực sự chặt chẽ, thống suốt.

- Một bộ phận cán bộ, công chức còn yếu về trình độ chuyên môn và năng lực quản lý, tinh thần trách nhiệm chưa cao; nhận thức của một bộ phận cán bộ và nhân dân về vai trò, ý nghĩa của Chương trình chưa đầy đủ, nhất là khu vực miền núi, dẫn đến tình trạng còn trông chờ vào sự đầu tư của nhà nước, thiếu chủ động, chưa tự giác trong triển khai, tổ chức thực hiện.

- Kết cấu hạ tầng ngành nông, lâm, thủy sản còn yếu kém; nguồn lực cho nông nghiệp, nông thôn tuy đã được tăng cường nhưng vẫn còn rất thấp so với nhu cầu thực tế, nhất là vốn trực tiếp cho xây dựng NTM.

- Bộ máy giúp việc Ban chỉ đạo các cấp về xây dựng NTM chưa được kiện toàn kịp thời theo hướng dẫn mới; cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc của bộ máy tham mưu, giúp việc BCD các cấp còn thiếu và chưa đồng bộ.

## **IV. Bài học kinh nghiệm.**

*Một là*, phải coi trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân; đảm bảo thường xuyên, liên tục sẽ là yếu tố quyết định đưa "người dân trở thành chủ thể" sáng tạo trong thực hiện các chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM.

*Hai là*, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền mà trong đó, người đứng đầu có đủ tâm, đủ tầm là nhân tố quyết định sự thắng lợi. Thực tế những năm qua khẳng định: địa phương nào cấp ủy, chính quyền quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, có biện pháp tổ chức, điều hành cụ thể, sâu sát thực tế, phát huy được dân chủ ở cơ sở thì nơi đó có phong trào đích thực, mang lại hiệu quả cao và ngược lại.

*Ba là*, phải xuất phát từ nhu cầu thực tế và thế mạnh của từng địa phương để lập quy hoạch và xây dựng kế hoạch, đề án cho phù hợp với tình hình thực tế về tập quán sản xuất, canh tác và nhu cầu thị trường, trên cơ sở đó, trong điều kiện nguồn lực có hạn, phải có định hướng đầu tư tập trung, lựa chọn những nội dung mà nhân dân có nhu cầu thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho sản xuất, đời sống của nhân dân thì thực hiện trước, cần lựa chọn bước đi, lộ trình phù hợp trong việc thực hiện từng tiêu chí để tạo bước đột phá, tạo động lực và làm mô hình học tập nhân rộng.

*Bốn là*, hệ thống cơ chế chính sách về nông nghiệp, nông thôn và xây dựng NTM có vai trò to lớn để khuyến khích và tạo động lực thúc đẩy sự phát triển, vì vậy phải bám sát thực tiễn để xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp và

huy động tốt nhất các nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng NTM.

Năm là, phải vừa lựa chọn thực hiện mô hình điểm, vừa triển khai trên diện rộng; vừa kết hợp xây dựng NTM trên phạm vi xã, đồng thời chỉ đạo xây dựng NTM từ thôn, bản, làng đối với những địa phương còn nhiều khó khăn chưa có điều kiện để thực hiện xây dựng xã NTM.

## **Phần thứ hai**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020, Thanh Hóa có những thuận lợi cơ bản đó là: Nghị quyết Đại hội Đảng bộ từ tỉnh tiếp tục xác định và đưa Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp là một trong 5 nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ, coi phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM là nền tảng, góp phần tăng trưởng của tỉnh; các chính sách phát triển kinh tế cho nông nghiệp, nông thôn của Trung ương và của tỉnh đang triển khai thực hiện đã thực sự khuyến khích và tạo đà cho phát triển sản xuất; BCĐ các cấp được kiện toàn có hệ thống từ tỉnh đến cơ sở; các địa phương đã có kinh nghiệm trong quản lý, chỉ đạo xây dựng NTM.

Tuy nhiên, với đặc thù có điểm xuất phát của nền kinh tế vẫn đang ở mức thấp, địa bàn rộng, bình quân đất sản xuất nông nghiệp đầu người ít, phân bố phân tán, manh mún; tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường ở các vùng nông thôn có xu hướng gia tăng; biến đổi khí hậu tác động ngày càng mạnh mẽ, thiên tai diễn biến phức tạp; kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, nhưng chưa đồng bộ. Hệ thống thủy lợi mới chỉ cơ bản đáp ứng cho sản xuất lúa; giao thông nông thôn ở nhiều vùng chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là các vùng miền núi; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu; tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế; tư tưởng trông chờ, ỷ lại vẫn còn ở một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân; cơ chế chính sách còn thiếu đồng bộ, nguồn lực còn hạn chế so với nhu cầu..., đó là những khó khăn, thách thức cơ bản khi tổ chức thực hiện chương trình của tỉnh ta trong giai đoạn tới.

#### **I. Mục tiêu**

##### **1. Mục tiêu chung.**

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao. Xây dựng NTM có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; trình độ dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn, nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn.

##### **2. Mục tiêu cụ thể:**

- Tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm, thủy sản bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 2,9%/năm.



- Sản lượng lương thực có hạt hàng năm đạt 1,5 triệu tấn trở lên.
- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2020 đạt 52,5%.
- Nâng thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 tăng 2,5 lần so với năm 2014.
- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2020 đạt 95%.
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế năm 2020 đạt 70% trở lên;
- Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế năm 2020 đạt 80% trở lên;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm trên 2,5%;
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí về an ninh trật tự đạt 70%.
- Phấn đến năm 2020, toàn tỉnh đạt bình quân 17,5 tiêu chí/xã, không còn xã dưới 5 tiêu chí, không còn huyện, thị xã trắng về xã NTM; có trên 50% xã đạt chuẩn nông thôn mới; 5 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới; có 20% số thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM.

## **II. Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu.**

**1. Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng, có khả năng cạnh tranh cao và phát triển bền vững. Tập trung giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, thực hiện tốt chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội.**

Chỉ đạo triển khai có kết quả Nghị quyết số 16-NQ/TU của Tỉnh ủy về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững. Tiếp tục thực hiện đổi mới, dồn thửa, xây dựng cánh đồng mẫu lớn; Phát triển các loại cây trồng có giá trị theo hướng tập trung, quy mô lớn, gắn với ứng dụng tiến bộ kỹ thuật từ giống, canh tác, cơ giới hóa, quản lý dịch bệnh, tạo ra chuỗi sản xuất hợp lý, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm và thân thiện với môi trường. Phát triển chăn nuôi nông hộ có kiểm soát; khuyến khích phát triển chăn nuôi trang trại tập trung, công nghệ cao, theo chuỗi giá trị; Phát triển thủy sản cá nuôi trồng, khai thác gắn với chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản; thực hiện tốt chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác; nghiên cứu xây dựng, ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phát triển các hình thức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giữa nông dân với hợp tác xã, trang trại, doanh nghiệp.

Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 50%. Mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới; nhân rộng các mô hình tốt trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Làm tốt công tác tổ chức, tư vấn nghề, gắn đào tạo nghề với quy hoạch xây dựng NTM, quy hoạch sản xuất nông nghiệp phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Ưu tiên hỗ trợ dạy nghề cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số...

Thúc đẩy mạnh mẽ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ ở nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập cho nông dân đồng thời hỗ trợ phát triển nông nghiệp. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh ở nông thôn, nhất là các doanh nghiệp bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản, doanh nghiệp sản xuất giống, vật tư nông nghiệp, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động tại chỗ.

Chỉ đạo triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU của Tỉnh ủy về giảm nghèo nhanh và bền vững ở khu vực miền núi, các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm; Thực hiện tốt các chương trình giảm nghèo; lồng ghép có hiệu quả nguồn vốn các chương trình giảm nghèo để đầu tư, hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, giúp người nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội.

**2. Phát huy thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, huy động tối đa mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực trong dân, kết hợp lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án của nhà nước, của tỉnh để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn các xã, thôn, bản, tạo tiền đề cho phát triển kinh tế xã hội, tăng thụ hưởng trực tiếp cho cư dân nông thôn; đáp ứng yêu cầu tiêu chí NTM.**

Trên cơ sở nguồn lực của Chương trình xây dựng NTM hàng năm từ ngân sách nhà nước, các địa phương cần bám sát quy hoạch, đề án, phát huy dân chủ, công khai, minh bạch trong huy động và sử dụng nguồn lực để tạo sự tin tưởng, đồng thuận của nhân dân, phát huy cho được vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng trong việc tham gia xây dựng NTM. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình MTQG, chương trình hỗ trợ có mục tiêu và các chương trình, dự án khác đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh theo hướng tập trung, không dàn trải.

Hoàn thiện hệ thống đường giao thông đến trung tâm xã và đường trục thôn, đường trục chính nội đồng (ở các vùng sản xuất hàng hóa tập trung); cơ bản hoàn thành hệ thống đường xóm (trừ các xã đặc thù thuộc miền núi cao, vùng sâu, vùng xa, các xã bãi ngang, vùng đặc biệt khó khăn); tiếp tục xây mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã để cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.

Hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất; đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục; cơ bản hoàn thành cơ sở vật chất nhà văn hóa - khu thể thao thôn, trung tâm văn hóa - thể thao xã, đáp ứng, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao của nhân dân; tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông, nhất là ở các khu vực vùng sâu, vùng xa; tập trung tuyên truyền vận động người dân cải tạo tạp, tự chỉnh trang nhà ở, xây dựng các công trình nước sinh hoạt, vệ sinh hộ gia đình phù hợp với yêu cầu trong xây dựng NTM.

Tiếp tục rà soát, đánh giá để củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống của người dân và xây dựng NTM bền vững.

### **3. Phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường và an ninh trật tự trên địa bàn nông thôn.**

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để tạo chuyển biến mạnh mẽ, rõ nét nhóm các tiêu chí văn hóa - xã hội - môi trường thông qua việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền; sự đổi mới trong hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội và sự đồng tình, ủng hộ, ý thức tự giác của cộng đồng dân cư. Từ đó, tạo nhiều cơ hội cho người dân nông thôn được thụ hưởng thành quả, lợi ích từ xây dựng NTM.

Phát triển giáo dục toàn diện theo hướng chuẩn hóa, xã hội hóa; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, chất lượng đào tạo và dạy nghề theo nhu cầu xã hội. Từng bước đầu tư, nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị và chất lượng khám chữa bệnh phục vụ việc chuẩn hóa về y tế tuyến xã.

Không ngừng phát triển số lượng, tăng cường nâng cao chất lượng gia đình văn hóa, thôn, bản văn hóa, xã đạt chuẩn văn hóa NTM. Tập trung giải quyết vấn đề bức xúc về môi trường nông thôn trong quá trình phát triển sản xuất và công nghiệp hóa: cấp nước sạch; thu gom xử lý rác thải sinh hoạt, xử lý môi trường trong sản xuất và xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

Tăng cường đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn an ninh, trật tự xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng khu dân cư, công sở, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”.

### **4. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, tập huấn trong Chương trình Phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM.**

Tổ chức tuyên truyền thường xuyên, đa dạng về hình thức, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội; nội dung tuyên truyền phải phong phú, cập nhật những chủ trương, định hướng mới của Đảng về xây dựng NTM và những điển hình tiên tiến, những gương người tốt, việc tốt trong phong trào xây dựng NTM để phổ biến, vận động nhân dân tự giác tham gia xây dựng NTM, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động cũng như vai trò, vị trí của Chương trình xây dựng NTM, khắc phục cho được tư tưởng chần chừ, ngại khó, trông chờ, y lại vào nhà nước hoặc nóng vội, chạy theo thành tích.

### **5. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp, huy động các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tham gia thực sự có hiệu quả trong việc triển khai thực hiện Chương trình.**

Kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM các cấp từ tỉnh đến cơ sở; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên; hoàn thiện bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp theo Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Văn phòng Điều phối giúp Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể nhân dân, doanh nghiệp và mỗi cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của việc phát triển nông nghiệp, nông thôn, tạo đồng thuận cao để

triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình làm thước đo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội đẩy mạnh công tác vận động nhân dân thực hiện, tổ chức các phong trào thi đua phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng NTM trong nhân dân. Đồng thời nhân rộng mô hình hay, kinh nghiệm tốt trong thực hiện phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM, kịp thời khen thưởng, động viên các điển hình tiên tiến.

Đề cao vị trí, vai trò và tầm quan trọng của doanh nhân, doanh nghiệp đối với phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

### **III. Dự kiến nguồn lực thực hiện Chương trình.**

#### **1. Tổng mức vốn: 34.030 tỷ đồng**

#### **2. Cơ cấu nguồn lực:**

##### **a) Ngân sách Nhà nước:**

- Vốn trực tiếp cho chương trình: 8.635 tỷ đồng, chiếm 25,37%, trong đó: Ngân sách Trung ương: 1.597 tỷ đồng (*Vốn đầu tư phát triển: 1.297 tỷ đồng; sự nghiệp: 300 tỷ đồng*). Ngân sách địa phương: 7.038 tỷ đồng (*Ngân sách tỉnh: 616 tỷ đồng, ngân sách huyện, xã: 6.422 tỷ đồng*).

b) Vốn lồng ghép các chương trình, dự án khác: 11.415 tỷ đồng, chiếm 33,54%;

c) Vốn tín dụng, ODA: 2.800 tỷ đồng, chiếm 8,22%;

b) Vốn doanh nghiệp: 2.000 tỷ đồng, chiếm 5,88%;

d) Vốn huy động từ cộng đồng dân cư: 9.180 tỷ đồng, chiếm 26,99%.

#### **3. Dự kiến kế hoạch vốn theo các nội dung thực hiện (từng năm và 5 năm)**

- Kế hoạch vốn 5 năm (2016-2020) theo từng nội dung, cụ thể: Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn: 50 tỷ đồng; Quản lý chỉ đạo: 50 tỷ đồng; Giao thông: 7.150 tỷ đồng; Thủy lợi: 3.935 tỷ đồng; Điện: 600 tỷ đồng; Giáo dục: 2.220 tỷ đồng; Y tế: 950 tỷ đồng; Văn hóa: 3.570 tỷ đồng; Chợ nông thôn: 850 tỷ đồng; Bưu điện: 400 tỷ đồng; Nhà ở dân cư: 4.850 tỷ đồng; Phát triển sản xuất: 2.900 tỷ đồng; Xóa đói, giảm nghèo: 4.190 tỷ đồng; Giải quyết việc làm: 215 tỷ đồng; Môi trường: 1.900 tỷ đồng; Hỗ trợ huyện, xã đạt chuẩn: 200 tỷ đồng.

- Kế hoạch từng năm: Năm 2016: Vốn thực hiện là 6.000 tỷ đồng; Năm 2017: Vốn thực hiện là 6.500 tỷ đồng; Năm 2018: Vốn thực hiện là 7.000 tỷ đồng; Năm 2019: Vốn thực hiện là 7.200 tỷ đồng; Năm 2020: Vốn thực hiện là 7.330 tỷ đồng.

### **Phần thứ ba ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Đề nghị Trung ương sớm ban hành chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020 trên cơ sở lồng ghép các chương trình, dự án đang triển khai trên địa bàn nông thôn để tập trung cho Chương trình xây dựng NTM làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện.

2. Đề nghị Trung ương nghiên cứu, ban hành cơ chế, hỗ trợ mô hình phát triển sản xuất theo hướng hỗ trợ lãi suất, hoặc cho vay với lãi suất ưu đãi thông qua các tổ chức như Tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp hoặc tổ chức chính trị xã hội ở địa phương thực hiện thay vì hỗ trợ trực tiếp như hiện nay.

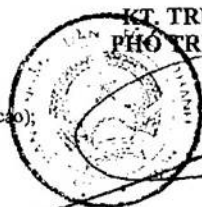
3. Đề nghị Trung ương căn cứ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM Trung ương hàng năm, xem xét, ưu tiên phân bổ cho Thanh Hóa tương xứng với tỷ lệ số lượng đơn vị hành chính cấp xã, đáp ứng nhu cầu xây dựng NTM của tỉnh trong giai đoạn tới.

4. Đề nghị Trung ương nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù trong xây dựng NTM cho các xã, thôn, bản vùng đặc biệt khó khăn.

Trên đây là báo cáo tổng kết 5 năm Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015 tỉnh Thanh Hóa, đề nghị BCD Trung ương Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- BCD TW CT MTQG xây dựng NTM (để b/c);
- BCD Tây Bắc (để báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các ngành thành viên BCD tỉnh (để biết);
- BCD các huyện, thị xã, TP (để biết);
- Lưu: VT, Pg NN.



**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH  
Nguyễn Đức Quyền**

**CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐO ĐẠ PHƯƠNG BAN HÀNH**  
**ĐỀ TÀI VIỆC BIÊN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2011-2015**

(Kèm theo Báo cáo số: 30/BC-BCD ngày 23 tháng 10 năm 2015 của BCD Chương trình Phát triển Nông nghiệp và xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa)

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách
1	Quyết định	Số 269/QĐ-UBND ngày 21/01/2011	Về việc ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển cao su trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015	Phấn đấu trồng cây cao su đến năm 2015 đạt diện tích trên 17.000 ha	Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân trồng mới, chăm sóc cây cao su trong 2 năm đầu: 9 đ/ha; tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc và hướng dẫn kỹ thuật cạo mủ cao su
2	Quyết định	Số 270/QĐ-UBND ngày 21/01/2011	Về việc ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất hạt giống lúa lai F1 trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015	Hình thành vùng sản xuất hạt giống lúa lai F1 có diện tích từ 600 - 700ha; chủ động đáp ứng 30% lượng giống lúa lai sản xuất trong tỉnh	Hỗ trợ mua giống bò mẹ, hóa chất, thuốc chuyên gia kỹ thuật và bảo quản hạt giống lúa lai. Mức hỗ trợ: 10tr/ha
3	Quyết định	Số 271/QĐ-UBND ngày 21/01/2011	Về việc ban hành cơ chế chính sách phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015	Nâng cao tầm vóc đàn Trâu, Bò. Phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại, quy mô lớn	- Hỗ trợ hộ gia đình, trang trại, HTX được giao nuôi Trâu, Bò được giống ở các xã không được hiện thụ nhân tạo để phối giống trực tiếp cho Trâu, Bò ở các huyện miền núi và các xã miền núi thuộc các huyện miền xuôi. Hỗ trợ hộ gia đình, trang trại, HTX chăn nuôi Trâu, Bò cái được phối giống bằng thụ tinh nhân tạo
4	Quyết định	Số 915/QĐ-UBND ngày 21/3/2013	Về việc ban hành cơ chế chính sách phát triển giao thông nông thôn	Phấn đấu đến hết năm 2015 có 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã; tối thiểu 50% đường thôn xóm, đường nội đồng được cứng hóa vào cơ trên 230 xã đạt tiêu chí NTM về giao thông	- Hỗ trợ kiến cơ hóa đường trục xã, đường thôn, xóm cho 3 vùng (đồng bằng, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135) - Hỗ trợ xây dựng sửa chữa các công trình: đường trục, cầu nhỏ, cống, hệ thống thoát nước cho 3 vùng (đồng bằng, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135)
5	Quyết định	Số 618/QĐ-UBND ngày 19/02/2013	Về việc ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất rau an toàn tập trung tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2013-2015	Phát triển vùng rau an toàn tập trung, áp dụng quy trình sản xuất VietGap	- Hỗ trợ một lần kinh phí xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng (đường giao thông, hệ thống thủy lợi, điện, xử lý chất thải); nhà sơ chế, đóng gói sản phẩm rau an toàn phù hợp với yêu cầu VietGap; - Hỗ trợ hàng năm kinh phí thuê kiểm soát và đàn tem
6	Nghị quyết	Số 167/2010/NQ-HĐND	Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2011-2015	Tăng thêm nguồn lực cho xã điểm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, sớm đạt chuẩn NTM. Phấn đấu đến năm 2015 toàn tỉnh có 15% số xã đạt chuẩn NTM	Quy định để lại 100% tiền cấp quyền sử dụng đất cho các xã điểm xây dựng NTM
7	Quyết định	Số 728/QĐ-UBND ngày 1/3/2013	Về việc ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh đến năm 2015	Phấn đấu đến năm 2015 toàn tỉnh có 15% số xã đạt chuẩn NTM	Hỗ trợ các xã đăng ký hoàn thành 19 tiêu chí NTM đầu tư các công trình: Trụ sở xã, Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã và Trạm y tế xã và hỗ trợ xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2012-2015
8	Quyết định	Số 3301/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	Về việc ban hành cơ chế chính sách khuyến khích xây dựng NTM giai đoạn 2015-2020	Phấn đấu đến năm 2020 toàn tỉnh có trên 50 % số xã đạt chuẩn NTM	Hỗ trợ các xã đăng ký hoàn thành 19 tiêu chí NTM đầu tư các công trình: Trụ sở xã, Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã và Trạm y tế xã hỗ trợ (hướng) cho xã, thôn, bản đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020
9	Nghị quyết	Số 129/2015/NQ-HĐND	Về chính sách khen thưởng và hỗ trợ công trình phúc lợi trong thực hiện phong trào thi đua chung sức xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020	Đẩy mạnh phong trào xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh	Khen thưởng và hỗ trợ công trình phúc lợi cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua chung sức xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020



Mẫu biểu số 02



**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH  
GIẢI ĐOÀN 2011, 2015 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2016-2020**

(Kèm theo Báo cáo số: 92/B-CD-VPPP ngày 22 tháng 10 năm 2015 của BCD Chương trình Phát triển Nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chi tiêu	Kết quả thực hiện					Kế hoạch 2016-2020
		2011	2012	2013	2014	Ước thực hiện năm 2015	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>4,424,040</b>	<b>5,616,665</b>	<b>5,981,577</b>	<b>4,235,633</b>	<b>6,762,537</b>	<b>34,030,000</b>
<b>I</b>	<b>NGÂN SÁCH TW</b>	<b>81,250</b>	<b>96,627</b>	<b>100,787</b>	<b>343,128</b>	<b>348,500</b>	<b>1,597,000</b>
1	Trái phiếu Chính phủ				313,000	320,000	1,297,000
2	Đầu tư phát triển	7,200	56,700	53,817			
3	Sự nghiệp kinh tế	74,050	39,927	46,970	30,128	28,500	300,000
<b>II</b>	<b>NGÂN SÁCH ĐP</b>	<b>355,800</b>	<b>420,259</b>	<b>625,810</b>	<b>727,272</b>	<b>1,094,212</b>	<b>7,038,000</b>
1	Tỉnh	18,000	25,303	40,000	80,000	50,000	616,000
2	Huyện	93,000	113,349	267,396	149,703	214,212	2,433,000
3	Xã	244,800	281,607	318,414	497,569	830,000	3,989,000
<b>III</b>	<b>VỐN LÒNG GHEP</b>	<b>2,763,420</b>	<b>3,333,266</b>	<b>3,076,247</b>	<b>1,189,804</b>	<b>2,265,088</b>	<b>11,415,000</b>
<b>IV</b>	<b>VỐN TÍN DỤNG</b>	<b>40,582</b>	<b>239,513</b>	<b>377,983</b>	<b>226,906</b>	<b>755,164</b>	<b>2,800,000</b>
<b>V</b>	<b>VỐN DOANH NGHIỆP</b>	<b>326,988</b>	<b>400,000</b>	<b>300,750</b>	<b>126,728</b>	<b>309,125</b>	<b>2,000,000</b>
<b>VI</b>	<b>CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ</b>	<b>856,000</b>	<b>1,127,000</b>	<b>1,500,000</b>	<b>1,618,795</b>	<b>1,972,448</b>	<b>9,080,000</b>
1	Tiền mặt	717,955	705,000	1,016,000	1,505,045	1,700,000	7,870,000
2	Ngây công lao động (Công)	80,000	100,000	60,000	25,000	35,000	300,000
	Quy đổi thành tiền	10,000	12,000	9,000	3,750	5,250	60,000
3	Hiển đất (m <sup>2</sup> )	1,000,000	3,800,000	4,200,000	800,000	600,000	2,000,000
	Quy đổi thành tiền	100,000	380,000	420,000	80,000	127,198	650,000
4	Vật tư (quy đổi thành tiền)	28,045	30,000	55,000	30,000	140,000	500,000
<b>VII</b>	<b>NGUỒN KHÁC</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3,000</b>	<b>18,000</b>	<b>100,000</b>

Mẫu biểu số 03



**KẾT QUẢ PHÂN BỐ VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2014-2015**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Báo cáo số: 90 /BC-BCĐ ngày 22 tháng 10 năm 2015 của BCĐ Chương trình Phát triển Nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đối tượng	Kế hoạch vốn được giao		Thực tế phân bổ			Ghi chú
		Số xã	Thành tiền	Số xã	Vốn bình quân/xã	Thành tiền	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>555</b>	<b>938,000</b>	<b>481</b>	<b>1,316</b>	<b>633,000</b>	
<b>I</b>	<b>CÁC XÃ ƯU TIÊN</b>	<b>298</b>	<b>655,300</b>	<b>224</b>	<b>2,021</b>	<b>452,800</b>	
1	<b>Xã ĐBK</b>	158	395,000	92	2,495	229,550	
1.1	Xã bãi ngang	27	67,500	15	2,420	36,300	
1.2	Xã biên giới	15	37,500	8	2,269	18,150	
1.3	Xã ATK						
1.4	Xã thuộc Chương trình 30a, 135	115	287,500	68	2,384	162,100	
1.5	Xã điểm theo chỉ đạo của TW	1	2,500	1	13,000	13,000	
2	<b>Xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2014-2015</b>	78	144,400	76	1,714	130,250	
	Tr.đó xã chỉ đạo điểm của cấp tỉnh	2	4,300	2	2,150	4,300	
3	<b>Xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2016</b>	62	115,900	56	1,661	93,000	
	Tr.đó xã chỉ đạo điểm của cấp tỉnh	1	1,800	1	1,800	1,800	
<b>II</b>	<b>CÁC XÃ CÒN LẠI</b>	<b>257</b>	<b>282,700</b>	<b>257</b>	<b>702</b>	<b>180,200</b>	
1	Xã đã đạt chuẩn						
2	Xã hỗ trợ xi măng	257	282,700	257	702	180,200	

Mẫu biểu số 04

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI TỪ NGUỒN VỐN TPCP 2014-2015**

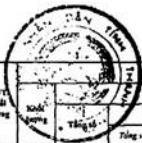
(Kèm theo Báo cáo số: 90/BC-BCĐ ngày 29 tháng 10 năm 2015  
của BCĐ Chương trình Phát triển Nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa)

DVT: Triệu đồng

TT	CÔNG TRÌNH	ĐVT	Lũy kế thực hiện đến 30/9/2015		Ước thực hiện cả năm 2015		Ghi chú
			Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>633,000</b>		<b>320,000</b>	
<b>1</b>	<b>Giao thông</b>			<b>142,825</b>	<b>708</b>	<b>70,375</b>	
1.1	Đường trục xã	Km	5	8,000	5	8,000	
1.2	Đường thôn	Km	408	67,412	352	31,188	
1.3	Đường ngõ xóm	Km	245	40,448	211	18,712	
1.4	Đường trục nội đồng	Km	163	26,965	140	12,475	
<b>2</b>	<b>Thủy lợi</b>	<b>Km</b>	<b>325</b>	<b>40,025</b>	<b>227</b>	<b>25,875</b>	
<b>3</b>	<b>Trường học</b>		<b>1</b>	<b>2,500</b>	<b>1</b>	<b>2,500</b>	
3.1	THCS	Trường	1	2,500	1	2,500	
3.2	Tiểu học	Trường					
3.3	Mầm non	Trường					
<b>4</b>	<b>Trạm y tế xã</b>	<b>Trạm</b>	<b>62</b>	<b>94,550</b>	<b>36</b>	<b>47,650</b>	
<b>5</b>	<b>CSVC văn hóa</b>	<b>Nhà</b>	<b>323</b>	<b>205,550</b>	<b>91</b>	<b>102,100</b>	
5.1	Cấp xã	Nhà	106	193,200	61	99,100	
5.2	Cấp thôn	Nhà	217	12,350	30	3,000	
<b>6</b>	<b>Chợ</b>	<b>Chợ</b>	<b>1</b>	<b>500</b>	<b>1</b>	<b>500</b>	
<b>7</b>	<b>Nước sinh hoạt</b>	<b>CT</b>	<b>1</b>	<b>2,500</b>	<b>1</b>	<b>2,500</b>	
<b>8</b>	<b>Trụ sở xã</b>	<b>Cái</b>	<b>75</b>	<b>144,550</b>	<b>35</b>	<b>68,500</b>	

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỌC XÂY DỰNG NTM 2011-2015, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA  
(Khai báo Báo cáo ngày 22 tháng 10 năm 2015 của BCD Chương trình Phát triển Nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung đầu tư	Lấy từ thực Mục tiêu 3 (1/2)/2015										Dự toán 2016-2020					Chi chứ	
		Thành số (trị giá đồng)										Số lượng	Thành số (trị giá đồng)					
		Tổng số	Yêu cầu tư trợ cấp			Lĩnh giúp	Tín dụng	Doanh ngành	Đón góp	Ngân hà	Tổng số		NTM	NGDP	Doanh ngành	Đón góp		Ngân hà
<b>TỔNG CỘNG</b>		27.020,453	4.192,643	970,392	3.222,251	12.617,825	1.640,148	1.463,991	7.074,243	21,000	34.830,800	1.397,000	7.634,000	2.000,000	3.180,000	14.215,000		
1	QUY HOẠCH NÔNG THÔN MỚI	Xã	471	107,106	107,106	107,106					0							
2	GIÁO DỤC		4,933	4,916,670	1,099,184	326,614	766,568	1,777,486	0	0	19,447	7,150,000	416,000	2,600,000	0	2,000,000	2,330,000	
2.1	Đường trục xã	Km	1,247,1	1,470,114	51,678	8,000	47,678	1,421,486			2,084	2,000,000	20,000	800,000		1,180,000		
2.2	Đường thôn, xóm	Km	2,815,7	1,917,526	587,576	184,386	403,140	200,000		1,170,000	4,590	3,550,000	200,000	1,300,000	1,200,000	850,000		
2.3	Đường trục nội đồng	Km	1,569,9	1,326,030	460,970	146,228	313,000	154,000		910,000	3,995	1,600,000	200,000	500,000	800,000	100,000		
3	THỦY LỢI		1,520,554	726,973	137,623	589,350	311,400	233,550	0	248,631	0	4,508	3,935,000	150,000	600,000	0	1,000,000	2,185,000
3.1	Kênh mương	Km	1,557	1,420,554	726,973	137,623	589,350	311,400	233,550	248,631	0	4,508	3,435,000	150,000	600,000	0	1,000,000	1,685,000
3.2	Công	Công	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500,000	0	0	0	500,000	
4	ĐIỆN	Km	2,003	1,176,530			975,000			201,530	200	600,000		300,000		300,000		
5	GIÁO DỤC		1,963,700	195,700	2,500	193,200	1,729,000	0	29,000	0	609	2,238,000	20,000	900,000	70,000	200,000	1,020,000	
5.1	Trường mầm non, mẫu giáo	Trường	324	1,134,392	71,000	71,000	1,043,392	20,000	20,000	0	154	500,000	10,000	300,000	20,000	200,000	20,000	
5.2	Trường tiểu học	Trường	276	496,958	55,200	55,200	434,758	7,000	7,000	0	271	830,000	10,000	200,000	20,000	500,000		
5.3	Trường THCS	Trường	134	335,350	69,500	2,500	67,000	260,850	2,000	0	240	840,000	10,000	300,000	30,000	500,000		
6	VĂN HÓA	Trạm	186	797,450	138,700	52,000	85,000	658,750			255	950,000	80,000	300,000		370,000		
7	VĂN HÓA		1,815,950	598,950	218,350	380,000	360,000	126,000	280,000	427,000	10,000	2,925	3,770,000	297,000	823,000	350,000	600,000	1,400,000
7.1	CSVC văn hóa cấp xã	Nhà	120	926,400	456,400	206,400	250,000	260,000	210,000	210,000	10,000	425	1,643,000	220,000	323,000	200,000	900,000	
7.2	CSVC văn hóa cấp thôn, bản	Nhà	1,166	879,550	142,150	11,950	158,000	105,000	125,000	30,000	437,000	2,580	1,977,000	177,000	300,000	150,000	600,000	500,000
8	CHỢ NÔNG THÔN	Chợ	207	664,500	104,500	500	104,000	105,000		316,000	79,000	224	850,000	18,000	50,000	200,000	230,000	320,000
9	BIỆU DIỆN	Cái	150	125,000	125,000		125,000				200	400,000		200,000	100,000	100,000		
10	NHÀ Ở DÂN CƯ	Nhà	57,000	2,544,612	200,000		200,000			105,000	80,000	4,850,000		500,000	150,000	3,000,000	1,200,000	
11	PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT	HĐH	784,8	344,679	35,979	74,999	4,500			265,000	1,500	3,900,000	200,000	200,000	900,000	1,600,000		
12	XÓA ĐÓI GIÀM NGHỀ	XH	130	3,394,829	300,000		300,000	5,643,241	821,598	500,000	1,000,000	139	4,198,000	600,000	440,000	650,000	2,500,000	
13	GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM	LĐ	30,000	163,781	9,835		9,835	142,946			11,000,0	36,000	215,000		15,000	10,000	0	190,000



Lưu hồ thực hiện đến 31/12/2015

Dự kiến 2016-2020

TT	Nội dung đầu tư	ĐVT khối lượng	Khối lượng Tăng số	Thành tích (triệu đồng)								Khối lượng	Thành tích (triệu đồng)					Ghi chú		
				Vốn đầu tư trực tiếp				Đa cấp	Tín dụng	Doanh ngành	Đa cấp		Nguồn khác	Tổng số	NSTP	NSDP	Doanh ngành		Đa cấp	Nguồn khác
				Tổng số	NSTP	NSDP	Làng nghề													
14	MÔI TRƯỜNG		3,507,563	475,000	0	475,000	885,502	350,000	32,061	745,000	0	1,900,000	10,000	210,000	180,000	480,000	980,000			
14.1	Cấp nước sinh hoạt	CT	32,324	1,010,860		85,000	340,860	350,000		300,000		25,000	870,000	10,000	100,000	60,000	200,000	300,000		
14.2	Thước nước thải	CT	6,700	430,141		200,000	340,141			280,000		6,000	620,000		60,000	60,000	200,000	300,000		
14.3	Thu gom, xử lý chất thải	CT	4,842	401,562		190,000	181,501		32,061	163,000		5,000	610,000		50,000	60,000	200,000	300,000		
15	TUYÊN TRUYỀN, BẢO TẠO, TẬP HUẤN	XH	573	18,669	18,669	18,669						573	50,000	50,000						
16	QUẢN LÝ CHỈ ĐẠO	XH	573	19,029	19,029	19,029						573	50,000	50,000						
17	HỖ TRỢ HUẤN LUYỆN XÁ ĐẠT CHUẨN NTH	Huyện										5	200,000	200,000						

Mẫu biểu số 06

**KẾT QUẢ XÂY DỰNG NỀN ĐỀN 2014 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2015, GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kèm theo Báo cáo số 79/BCE-BCĐ ngày 22 tháng 10 năm 2015 của BCE Chương trình Phát triển Nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa)



TT	MỤC TIÊU	Lũy kế đến 31/12/2014	Thực hiện năm 2015		Mục tiêu phần đầu giai đoạn 2016-2020	GHI CHÚ
			Thực hiện đến 30/9/2015	Ước thực hiện năm 2015		
<b>I</b>	<b>THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ</b>					
1	Số huyện đạt chuẩn NTM	0	0	1	5	
2	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã					
2.1	Số xã đạt chuẩn (19 tiêu chí) NTM	45	93	100	287	
2.2	Số xã đạt 18 tiêu chí	12	5	9	85	
2.3	Số xã đạt 17 tiêu chí	27	9	17	56	
2.4	Số xã đạt 16 tiêu chí	32	28	32	29	
2.5	Số xã đạt 15 tiêu chí	55	39	27	12	
2.6	Số xã đạt 14 tiêu chí	35	38	52	23	
2.7	Số xã đạt 13 tiêu chí	54	46	35	13	
2.8	Số xã đạt 12 tiêu chí	52	59	55	26	
2.9	Số xã đạt 11 tiêu chí	48	42	39	12	
2.1	Số xã đạt 10 tiêu chí	36	37	45	20	
2.1	Số xã đạt 9 tiêu chí	42	47	53	10	
2.1	Số xã đạt 8 tiêu chí	37	35	25	0	
2.1	Số xã đạt 7 tiêu chí	24	28	35	0	
2.1	Số xã đạt 6 tiêu chí	35	29	36	0	
2.2	Số xã đạt 5 tiêu chí	23	22	10	0	
2.2	Số xã đạt 4 tiêu chí	10	10	3	0	
2.2	Số xã đạt 3 tiêu chí	6	6	0	0	